

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2018

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Thúy.

+ Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 03/10/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018, về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐHPT ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn VD, xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn BDH, xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2018 của chị Nguyễn Thị M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã VB, huyện TT, Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 12/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã VB, huyện TT đến năm 2010 thì chuyển về thôn BDH, xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương làm ăn sinh sống từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự tôn

trọng nhau nên thường hay cãi nhau, anh H thường hay chơi bời không hề chăm lo cho gia đình vợ con. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoài TU; sinh ngày 07/8/2009 và Nguyễn Văn T; sinh ngày 26/01/2001 hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2018 của bị đơn anh Nguyễn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án, anh H khai: Anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã VB, huyện TT, Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 12/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã VB, huyện TT đến khoảng năm 2011 thì chuyển về quê thôn BÐH, xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương ở từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Năm 2016 chị M xuất khẩu đi lao động tại Nhật Bản đến đầu năm 2018 chị M về nước, sau đó chị M làm đơn xin ly hôn anh. Anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng nên chị M xin ly hôn anh không nhất trí đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do anh không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm đề nghị giải quyết về quan hệ con chung. Khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

- Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Xử giao hai con chung Nguyễn Hoài TU; sinh ngày 07/8/2009 và Nguyễn Văn T; sinh ngày 26/01/2001 cho chị M tiếp tục nuôi

đưỡng. Chấp nhận tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã VB, huyện TT, Hà Nội, năm 2010 vợ chồng chuyển về quê thôn BDH, xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương sinh sống. Ngày 15/5/2018 Công an xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương có văn bản xác nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị M hiện đang tạm trú tại thôn DH, xã ĐQ, huyện GL từ năm 2010 đến nay.

Ngày 25/5/2018 chị Nguyễn Thị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ nơi cư trú tại thôn BDH, xã ĐQ, huyện GL, tỉnh Hải Dương tại thời điểm chị Nguyễn Thị M làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn H có mặt tại địa chỉ tạm trú tại thôn BDH, xã ĐQ, huyện GL nên TAND huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn anh H nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, có mặt tại Tòa án, viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã VB, huyện TT, Hà Nội đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có sự hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Bản thân anh H hay chơi bời không chăm lo cho gia đình vợ con, để có kinh tế lo cho gia đình năm 2016 chị đi xuất khẩu lao động, ở nhà anh không chăm lo cho các con nên chị đã phải gửi con về bên ngoại nhờ gia đình chăm sóc, đầu năm 2018 chị về nước nhưng vợ chồng cũng không có

ngày nào chung sống cùng nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh H. Tại bản tự khai anh H xác định về thời gian, quá trình chung sống như chị M trình bày, tuy nhiên anh H xác định mâu thuẫn giữa anh và chị M không có gì lớn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải anh lại vắng mặt, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đã gần 4 tháng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H chỉ có mặt một lần viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình, ngoài ra anh đều vắng mặt không có lý do. Bản thân anh mong muốn đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng. Để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị M, Tòa án xác minh thân nhân của anh H, chị M cũng như chính quyền địa phương, đoàn thể nơi anh chị đang sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy hai bên gia đình anh H, chị M đều xác định vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn từ trước thời gian chị M đi nước ngoài, bản thân anh H nghề nghiệp lái xe đường dài thường xuyên vắng nhà, không chăm lo cho gia đình vợ con kể cả về vật chất lẫn tinh thần, về phía đoàn thể, chính quyền địa phương cũng mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm, trong khi chị M vẫn giữ quan điểm xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho chị M và các con được ổn định cuộc sống. Từ những căn cứ trên cho thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng giữa chị M và anh H không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M, xử cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoài TU; sinh ngày 07/8/2009 và Nguyễn Văn T; sinh ngày 26/01/2011 hiện đang ở với chị M. Quá trình giải quyết vụ án, do anh H không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về việc nuôi con chung. Tòa án lấy lời khai hỏi nguyện vọng của hai con anh, chị, các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố, mẹ ly hôn. Chị M đề nghị nếu các con có nguyện vọng được ở với chị xin nuôi cả hai con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con anh chị cũng là theo nguyện vọng của hai cháu nên giao cho chị M được tiếp tục nuôi hai con chung. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét đó là tự nguyện của chị nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hoài TU; sinh ngày 07/8/2009 và Nguyễn Văn T; sinh ngày 26/01/2011 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AB/2014/0003729 ngày 29/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã ĐQ.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Minh Yến